TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 07/02/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân
2. Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

*- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2017/ TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/ 2018/ QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T - Sinh năm 1982 " Có mặt"
Nơi ĐKHKTT: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Đàm Sỹ A - Sinh năm 1980 " Vắng"
Trú tại: phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Đàm Sỹ A kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 9 năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A không chăm lo cho gia đình, không tu chí làm ăn và chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng

thẳng nên hiên anh chị đã sống ly thân. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Sỹ A.

Về con: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đàm Sỹ H sinh ngày 22/6/2006, cháu Đàm Thị T sinh ngày 03/ 10/2012 và cháu Đàm Quốc Đ sinh ngày 17/02/2015. Nguyện vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị T và cháu Đàm Quốc Đ, giao cháu Đàm Sỹ H cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đàm Sỹ A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên cải nhau, anh còn bỏ nhà đi nên vợ chồng càng mâu thuẫn, hiện chị T đã bỏ đi ở nơi khác và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh A xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn và hứa không bỏ nhà đi nữa;

Về con: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đàm Sỹ H sinh ngày 22/6/2006, cháu Đàm Thị T sinh ngày 03/ 10/2012 và cháu Đàm Quốc Đ sinh ngày 17/02/2015, nếu phải ly hôn, anh Đàm Sỹ A xin được trực tiếp nuôi 3 con, yêu cầu chị T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Anh Đàm Sỹ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Đàm Sỹ A tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh A không chấp hành do vậy Toà án đã lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Theo yêu cầu của chị Lê Thị T, Toà án tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Đàm Sỹ A và chị Lê Thị T sau khi kết hôn sinh sống tại địa phương. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được nhưng chỉ biết khoảng 5 tháng gần đây anh chị đã sống ly thân, chị T đã chuyển đi ở nơi khác. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Về con: Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Đàm Sỹ H ở với anh Đàm Sỹ A còn hai cháu nhỏ ở với chị T.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} ***Về tố tụng***: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đàm Sỹ A lần thứ hai nhưng anh Anh vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử, hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt anh Đàm Sỹ A là phù hợp quy định của pháp luật.

{2}*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Đàm Sỹ A kết hôn với nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thỉnh thoảng bỏ nhà đi vài tháng không cho chị và gia đình biết là anh đi đâu, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện hiện: Khoảng 5 tháng gần đây anh chị đã sống ly thân, từ khi anh chị sống ly thân, cháu Đàm Sỹ H ở với anh Đàm Sỹ A còn hai cháu nhỏ là Đàm Thị T và Đàm Quốc Đ ở với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T vẫn tha thiết xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Đàm Sỹ A đã đến mức trầm trọng. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GĐ xử cho chị T được ly hôn anh Đàm Sỹ A là phù hợp pháp luật.

{3} ***Về con*:** Vợ chồng có ba con chung là cháu Đàm Sỹ H sinh ngày 22/6/2006, cháu Đàm Thị T sinh ngày 03/ 10/2012 và cháu Đàm Quốc Đ sinh ngày 17/02/2015, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu nhỏ, còn cháu lớn là Đàm Sỹ H giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai anh Đàm Sỹ A xin được trực tiếp nuôi 3 con, yêu cầu chị T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến mọi mặt để đảm bảo quyền lợi của con, do cháu H có đơn xin được ở với bố, mặt khác từ thời điểm ly thân đến nay anh Đàm Sỹ A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, nên cần giao cháu H cho anh A nuôi dưỡng là phù hợp. Từ thời điểm anh chị sống ly thân, cháu Đàm Thị T sinh 03/10/2012 đang còn bé và cháu Đàm Quốc Đ sinh ngày 17/02/3015 đến ngày xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Đ là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Đàm Sỹ A yêu cầu được nuôi ba con và yêu cầu chị T cấp dưỡng theo quy định. Tuy nhiên anh Đàm Sỹ A nuôi cháu H còn chị T nuôi hai cháu T và cháu Đ nên các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp.

{4} ***Về tài sản và nợ chung****:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

{5} ***Về án phí****:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm án phí ly hôn sơ thẩm theo pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Đàm Sỹ A

Về con: Công nhận chị T và anh Đàm Sỹ A có ba con chung là cháu Đàm Sỹ H sinh ngày 22/6/2006, cháu Đàm Thị T sinh ngày 03/ 10/2012 và cháu Đàm Quốc Đ sinh ngày 17/02/2015. Giao cháu Đàm Sỹ H cho anh Đàm Sỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, giao các cháu Đàm Thị T và cháu Đàm Quốc Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị T và anh Đàm Sỹ A có quyền thăm non con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004509 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đàm Sỹ A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND P. Q;
- Lưu hồ sơ .